

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 544/2020/DS-PT

Ngày: 21-10-2020

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt
hại do tài sản bị xâm phạm”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên.

Ông Vũ Ngọc Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1355/2020/QĐXX-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn Ph, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thái H (có mặt).

Ông Ph, bà H cùng địa chỉ: Thôn PT 3, xã PS, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận (Theo giấy ủy quyền ngày 22/5/2018).

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H1, sinh năm 1981 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn TS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thái H, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn PT 3, xã PS, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bà Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn TS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận.

3. Ủy ban nhân dân huyện NP, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đ; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NP.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành Ph1; Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện NP (Theo giấy ủy quyền ngày 26/6/2018 - vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn, ông Đỗ Văn Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, ông Đỗ Văn Ph và người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 01/6/1996, ông Ph làm đơn xin phục hóa 25.000m² đất cà dan ở NN, thôn LS 1, xã PS (nay là thôn LS 2, xã PS). Đơn này có xác nhận của ông Nguyễn Văn T - Cán bộ địa chính xã PS và xác nhận của UBND xã PS. Ngày 24/6/1997, Phòng Địa chính huyện NP và UBND xã PS đã xác minh hiện trạng là đất bỏ hoang, không ai sử dụng, diện tích 15.700m² và 15.200m² đất. Từ năm 1996 đến năm 2000, vợ chồng ông Ph trồng Lúa, sau đó trồng Mía và rào lại toàn bộ khu đất.

Năm 2003, vợ chồng ông Ph làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) và nộp toàn bộ hồ sơ cho ông Nguyễn Văn T, nhưng do ông Tý chết đột ngột nên hồ sơ trên bị thất lạc. Năm 2004, UBND xã PV có mời vợ chồng ông Ph làm việc để xác minh nguồn gốc sử dụng đất nhưng không lập thành văn bản. Sau đó, ông Nguyễn M - Chủ tịch UBND xã PV không cho vợ chồng ông canh tác đất, vì cho rằng toàn bộ thửa đất này là đất công ích do UBND xã PV quản lý. Các giấy tờ xin khai hoang trước đây đã bị ông Nguyễn Văn T làm thất lạc, vợ chồng ông Ph không đồng ý giao lại đất cho UBND xã PV và không thể khiếu nại hành vi này. Ông Nguyễn M cho người khác khai thác trên một phần diện tích đất của vợ chồng ông đã khai hoang để sản xuất gạch nung, vợ chồng ông canh tác trên diện tích đất khai hoang còn lại.

Ngày 24/5/2005, vợ chồng ông Ph nộp 3.000.000 đồng để được sử dụng 3 ha đất dự phòng từ tháng 6/2003 đến tháng 6/2005, số tiền (3.000.000 đồng này) tương ứng với thuế sử dụng toàn bộ diện tích đất vợ chồng ông xin khai hoang vào năm 1996. Năm 2008, vợ chồng ông Ph được UBND xã PS trả lại hồ sơ khai hoang đất năm 1996. Ngày 29/5/2015, UBND huyện NP cấp cho vợ chồng ông Ph được quyền sử dụng thửa đất số 670, diện tích 3.909m², thửa đất số 669, diện tích 16.090m² cùng tờ bản đồ địa chính số 09 xã PV, huyện NP. Hiện nay, diện tích đất vợ chồng ông Ph khai hoang còn lại chưa được cấp giấy CNQSDĐ nằm trong một phần diện tích của thửa đất số 477, tờ bản đồ địa chính số 09 xã PV đã được UBND huyện NP cấp cho ông Huỳnh Văn H1 và một phần nằm trong diện tích đất do UBND xã PV đang quản lý.

Ông Ph đồng ý với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 21/11/2018; Biên bản họp Hội đồng bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 21/11/2018 ngày 11/4/2019 và Trích lục Bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận lập ngày 15/3/2019.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Ph rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các phần đất, cụ thể: Diện tích 446,2m², thuộc một phần thửa đất số 348, 424 được ký hiệu bằng các điểm 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18; diện tích 11.350,7m² thuộc một phần thửa đất số 348, 349, 351, 413, 414, 415, 416, 424, 426 và nương đất, được ký hiệu bằng các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 19, 10, 11, 18, 17, 16, 15, 14; diện tích 11.956,4m² đất thuộc một phần thửa đất số 477, tờ Bản đồ địa chính số 09 xã PV. Ký hiệu các điểm trên thể hiện tại Trích lục Bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận lập ngày 15/3/2019.

Nay ông Ph yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Huỳnh Văn H1 phải khôi phục lại hiện trạng ban đầu là đất trồng lúa đối với 1.426,6m² thuộc một phần thửa đất số 477, được ký hiệu bằng các điểm 8, 9, 10, 19, theo Trích lục Bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận lập ngày 15/3/2019.

- Buộc ông Huỳnh Văn H1 phải bồi thường cho vợ chồng ông bà 28.500.000 đồng mất thu nhập kể từ năm 2004 cho đến nay là 15 năm, mỗi năm 02 vụ lúa, mỗi vụ có lợi nhuận là 950.000 đồng.

- Hủy Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 468963 ngày 05/5/2014 của UBND huyện NP cấp cho ông Huỳnh Văn H1.

Bị đơn, ông Huỳnh Văn H1 trình bày:

Ông H1 và bà Lê Thị Thanh Th là vợ chồng. Thửa đất số 477 do vợ chồng bà Mang Thị D, ông Mang Th1 khai hoang vào khoảng năm 1997, 1998. Ngày 14/10/2009, UBND huyện NP đã cấp Giấy CNQSDĐ số AP 740311 cho ông Th1 bà D. Ngày 21/3/2014, bà D ông Th1 đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông bà thửa đất số 477, với giá 130.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng đất được lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, có chứng thực của Văn phòng công chứng Lê Vi. Hai bên đã trả tiền và nhận đất chuyển nhượng. Ngày 05/5/2014, UBND huyện NP đã cấp Giấy CNQSDĐ số BU 468963 cho vợ chồng ông bà đối với thửa đất số 477, diện tích 13.838m², loại đất có mặt nước chuyên dùng (MNC). Vì vậy, ông H1 không đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Ph.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thái H trình bày: Bà H thống nhất nội dung trình bày của ông Ph.

Bà Lê Thị Thanh Th trình bày: Bà Thúy thống nhất nội dung trình bày của ông H1.

Ủy ban nhân dân huyện NP trình bày:

Ngày 21/3/2014, ông Huỳnh Văn H1 có đơn đề nghị cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 477, Tờ bản đồ số 09 xã PS, diện tích 13.838m², loại đất MNC, có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Mang Th1 và bà Mang Thị D. Hồ sơ, gồm có: Đơn đề nghị cấp giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mẫu số 01/D9K-GCN); Trích sao Bản đồ địa chính thửa đất số 477 tờ bản đồ địa chính số 09 xã PV, được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện NP lập ngày 01/4/2014; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn H1 và vợ chồng ông Mang Th1, bà Mang Thị D, được Văn phòng công chứng Lê Vy công chứng, số 7495, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/3/2014.

Toàn bộ hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ của ông H1 đã được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện NP thẩm định đủ điều kiện và trình UBND huyện NP. Ngày 05/5/2014, UBND huyện NP cấp Giấy CNQSDĐ số BU 468963 cho ông H1 được quyền sử dụng 13.838m² đất thuộc thửa đất số 477, Tờ bản đồ số 09 xã PS nói trên. Việc UBND huyện NP cấp giấy CNQSDĐ cho ông H1 là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 148 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. UBND huyện NP đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, quyết định:

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử sơ thẩm một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn Ph, có nội dung không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các diện tích đất, cụ thể:

446,2m² đất, thuộc một phần diện tích của thửa đất số 348, thửa 424 được ký hiệu bằng các điểm 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, theo Trích lục Bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận lập ngày 15/3/2019;

11.350,7m² đất thuộc một phần diện tích của các Thửa đất số 348, 349, 351, 413, 414, 415, 416, 424, 426 và nương đất, được ký hiệu bằng các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 19, 10, 11, 18, 17, 16, 15, 14 theo Trích lục Bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận lập ngày 15/3/2019;

11.956,4m² đất thuộc một phần Thửa đất số 477, tờ Bản đồ địa chính số 09 xã PV.

Ông Đỗ Văn Ph có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Áp dụng: Điều 688 Bộ luật dân sự 2005; Các Điều 37, 38, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Ph có nội dung:

Yêu cầu ông Huỳnh Văn H1 phải trả lại 1.426,6m², được ký hiệu bằng các điểm 8, 9, 10, 19 theo Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận lập ngày 15/3/2019 thuộc một phần thửa đất số 477, tờ bản đồ địa chính số 09 xã PV;

Yêu cầu ông Huỳnh Văn H1 phải khôi phục hiện trạng ban đầu là đất trồng lúa đối với 1.426,6m², được ký hiệu bằng các điểm 8, 9, 10, 19 theo Trích lục Bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận lập ngày 15/3/2019 thuộc một phần thửa đất số 477, tờ bản đồ địa chính số 09 xã PV;

Yêu cầu ông Huỳnh Văn H1 phải bồi thường thiệt hại kinh tế do bị mất thu nhập kể từ năm 2004 cho đến nay là 28.500.000 đồng;

Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 468963 ngày 05/5/2014 của UBND huyện NP cấp cho ông Huỳnh Văn H1.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/10/2019, nguyên đơn ông Đỗ Văn Ph kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Thửa 477 do ông Ph, bà H khai phá từ 1996 và sử dụng đất để trồng Mía và Lúa đến năm 2004. Trong năm 2004 thì ông Mong là Chủ tịch UBND xã PV không cho vợ chồng ông Ph sử dụng vì cho rằng là đất công ích do UBND xã quản lý, việc khai phá không được phép của cấp có thẩm quyền. Do thiếu hiểu biết nên gia đình ông Ph không khiếu nại sự việc trên. Thực tế, thửa 477 do ông Mong sử dụng từ 2009 cho đến nay. Sau đó, vợ chồng ông Ph mới biết thửa đất này đã được UBND huyện NP cấp giấy CNQSDĐ cho vợ chồng bà Măng Thị Dứ và ông Măng Thơ. Bà D, ông Th1 chuyển nhượng cho ông H1 và ngày 05/5/2014 thì ông H1 được cấp giấy CNQSDĐ thửa 477.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Nguồn gốc diện tích 1.426,6m² thuộc một phần thửa 477 do UBND xã PV giao cho một số hộ dân sử dụng để làm gạch nhưng sau đó bị bỏ hoang. Năm 1993, vợ chồng ông Măng Thơ và bà Măng Thị Dứ có đơn xin phục hóa, được UBND xã PV đồng ý. Sau khi ông Măng Thơ và bà Măng Thị Dứ được cấp giấy CNQSDĐ thì chuyển nhượng cho ông H1 và ngày 05/5/2014, ông H1 được UBND huyện NP cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích đất nêu trên. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Ph là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của ông Ph cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận thụ lý vụ án và giải quyết là đúng quy định pháp luật. Ông Đỗ Văn Ph kháng cáo đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Các đương sự tranh chấp diện tích 1.426,6m² thuộc một phần thửa 477, tờ bản đồ số 09, tại xã PV, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận. Trong khi ông Phước cho rằng phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông do đã khai hoang từ năm 1996 nên yêu cầu ông H1 trả lại thì ông H1 cho rằng, đất có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của bà Măng Thị Dứ, ông Măng Thơ ngày 21/3/2014. Khi chuyển nhượng thì bà D, ông Th1 đã được cấp giấy CNQSDĐ ngày 14/10/2009, việc chuyển nhượng đúng pháp luật nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Ph.

Xét kháng cáo của ông Ph, thấy rằng:

[3] Hồ sơ vụ án thể hiện:

[3.1] Tại Đơn xin xác nhận khai hoang của bà Mang Thị D có xác nhận của UBND xã PV (bút lục 107), có nội dung: Vào khoảng năm 1998, bà D khai hoang, phục hóa khoảng 15.000m² đất, có vị trí tứ cận: Đông giáp đất khai hoang của ông Mang Tàng, Tây giáp đường cái đi NN, Nam giáp đất ông Nguyễn M, Bắc giáp đất dự phòng. Tại Đơn xin cấp giấy CNQSDĐ ngày 08/12/2008 của bà D, có xác nhận của UBND xã PV ngày 31/12/2008, được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận ngày 20/7/2009 và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện NP xác nhận ngày 10/8/2009 (bút lục 20), có nội dung: Bà D xin cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa 477, tờ bản đồ số 09 xã PV, diện tích 13.838m², mục đích sử dụng MNC, nguồn gốc sử dụng đất do khai hoang từ năm 1998.

[3.2] Tại Biên bản xác định chủ sử dụng đất ngày 26/3/2009 (bút lục 17, 18), có nội dung: Nguồn gốc sử dụng đất do UBND xã PS giao cho một số hộ dân tộc. Do đất bị nhiễm mặn, không sản xuất được, ngập nước quanh năm, nên có một số hộ khai thác đất làm gạch vào năm 1993. Sau đó, bỏ hoang hóa đất, không làm được nên hộ bà Mang Thị D và hộ ông Mang Tàng xin phục hóa làm lúa và khai hoang đưa vào sử dụng, nhưng đất vẫn còn nhiễm mặn, không sản xuất được. Năm 1998, hộ bà D và hộ ông Mang Tàng tiếp tục phục hóa đất và sử dụng cho đến nay, không ai tranh chấp. Biên bản này, đại diện Ban quản lý thôn LS 2 có ý kiến: Hộ bà Mang Thị D và hộ ông Mang Tàng sử dụng đất ổn định từ trước đến nay, đề nghị UBND xã xem xét, giải quyết cho hai hộ.

[3.2] Ngày 14/10/2009, bà D được UBND huyện NP cấp giấy CNQSDĐ số AP 740311 đối với diện tích 13.838m², thửa 477. Ngày 21/3/2014, bà D chuyển nhượng toàn bộ thửa 477 cho ông H1, được Văn phòng Công chứng Lê Vi công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 7495, quyền số 02 TP/PCC-SCC/HĐGD và ngày 05/5/2014, ông H1 được UBND huyện NP cấp giấy CNQSDĐ số BU 468963, diện tích 13.838m², thửa 477.

[3.5] Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do bà D khai phá, sử dụng liên tục từ năm 1998 đến năm 2014, sau đó chuyển nhượng toàn bộ thửa 477 cho ông H1 và ngày 05/5/2014, ông H1 đã được cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa 477 nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Việc ông Ph chỉ căn cứ đơn xin phục hóa ngày 01/6/1996, có nội dung xin phục hóa diện tích 25.000m² đất tại Cà Dan, được UBND xã PS xác nhận ngày 04/6/1996 và Biên bản xác minh thực địa đất khai hoang ngày 24/6/1997, xác định diện tích đất khai hoang là 30.000m² để cho rằng ông H1 đã lấn chiếm diện tích 1.426,6m² nói trên nhưng ông Ph không chứng minh là người thực tế sử dụng đất, cũng không đăng ký sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai, trong suốt thời gian bà D khai phá, sử dụng và được cấp giấy CNQSDĐ thì ông Ph cũng không tranh chấp.

[4] Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Ph phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn Ph.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Ph về việc tranh chấp:

- Diện tích 446,2m² thuộc một phần thửa 348, 424, được ký hiệu tại các điểm 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 theo Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận lập ngày 15/3/2019;

- Diện tích 11.350,7m² thuộc một phần thửa 348, 349, 351, 413, 414, 415, 416, 424, 426 và nương đất, được ký hiệu tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 19, 10, 11, 18, 17, 16, 15, 14, theo Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận lập ngày 15/3/2019;

- Diện tích 11.956,4m² thuộc một phần thửa số 477, tờ bản đồ số 9 xã PV, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận.

Ông Đỗ Văn Ph có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Đỗ Văn Ph về việc:

- Yêu cầu ông Huỳnh Văn H1 phải trả lại diện tích 1.426,6m², thuộc một phần thửa 477, tờ bản đồ số 09, tại xã PV, được ký hiệu tại các điểm 8, 9, 10, 19,

theo Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận lập ngày 15/3/2019;

- Yêu cầu ông Huỳnh Văn H1 phải bồi thường thiệt hại do thu nhập bị mất từ năm 2004 đến nay là 28.500.000 đồng.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BU 468936 do Ủy ban nhân dân huyện NS cấp ngày 05/5/2014 cho ông Huỳnh Văn H1.

5. Chi phí tố tụng: Ông Đỗ Văn Ph phải chịu 5.795.417 (*Năm triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm mười bảy*) đồng và đã nộp đủ.

6. Về án phí:

6.1 *Án phí sơ thẩm:*

Ông Đỗ Văn Ph phải chịu: 2.025.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tại Biên lai số 0017170 ngày 01/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận, ông Ph còn phải nộp 1.725.000 (*Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng.

6.2. *Án phí phúc thẩm:* Ông Đỗ Văn Ph phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0018919 ngày 07/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận ông Ph đã nộp đủ.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Ninh Thuận (1);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận (1);
- Các đương sự
- Lưu (5), (án 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đức Phương